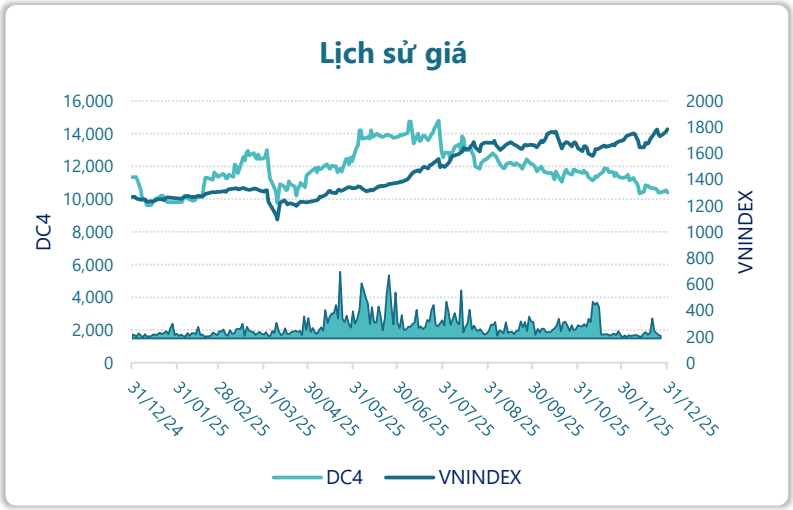
FireAnt

CTCP Dicera Holdings (HSX: DC4)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**10,400**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	14,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,636
SL cổ phiếu LH	98,235,704
KLGD BQ 20 phiên (CP)	390,050
% sở hữu nước ngoài	1.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,022
P/E	5.8
EPS	1,808

DT thuần

Q4/25

343

tỷ VNĐ

QoQ: ▼178| -34.2%

YoY: ▲ 140| 68.9%

LN sau thuế

Q4/25

36.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▼21.9| -37.5%

YoY: ▲ 11.1| 44.1%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

15.0%

+/- YoY: ▼ 2.0%

DT thuần

2025

1,646

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 552| 50.4%

LN sau thuế

2025

178

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 58.0| 47.5%

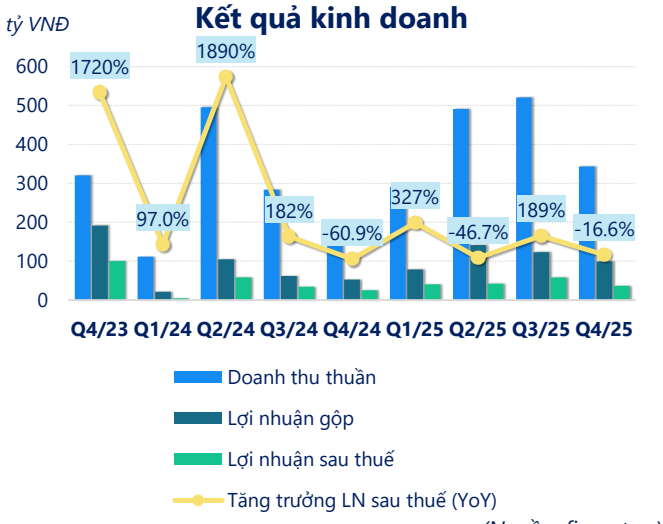
ROE

2025

17.2%

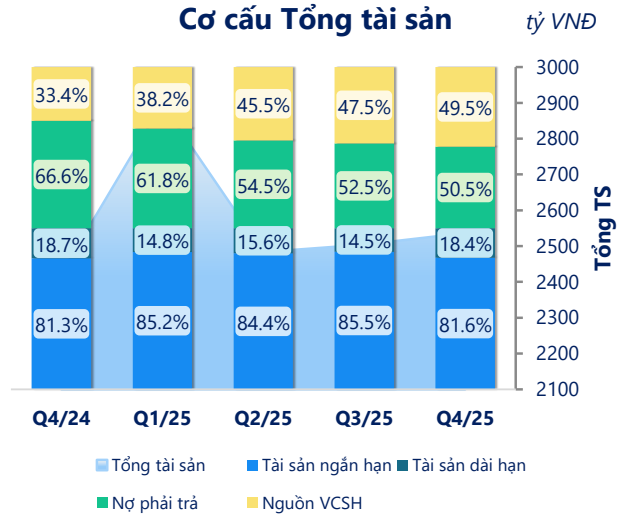
+/- YoY: ▲ 1.2%

Kết quả kinh doanh



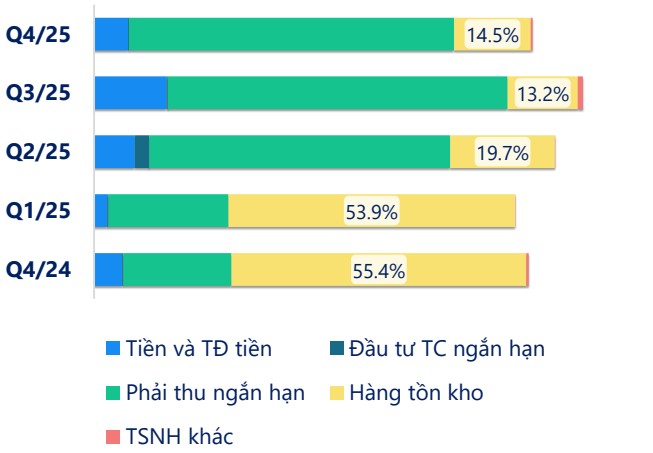
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



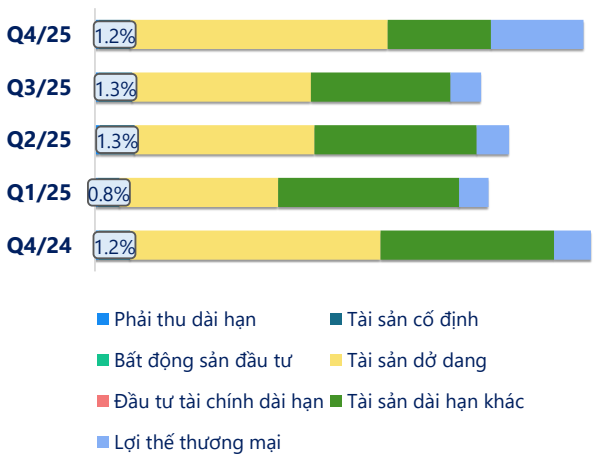
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



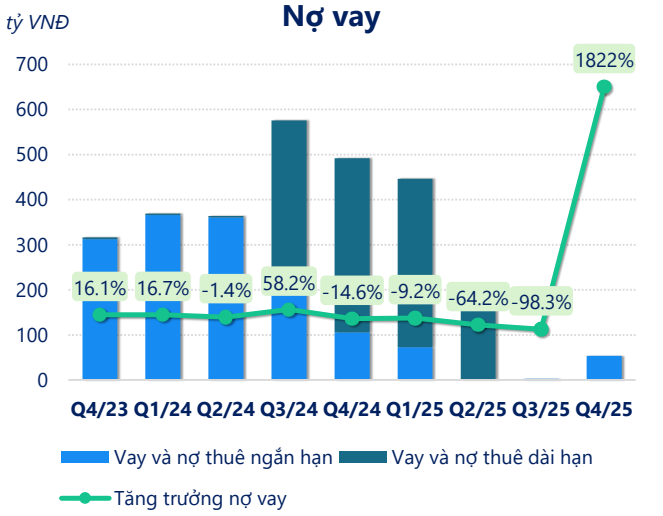
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



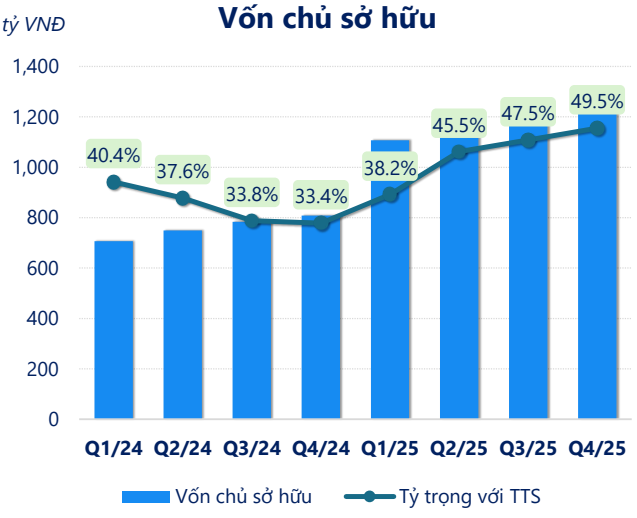
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



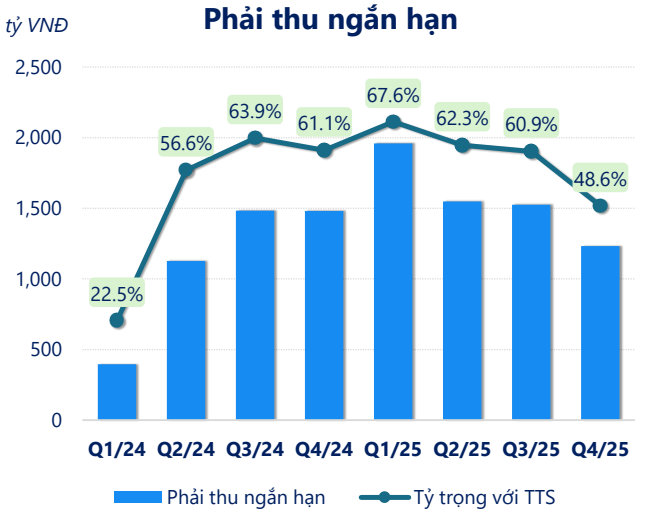
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



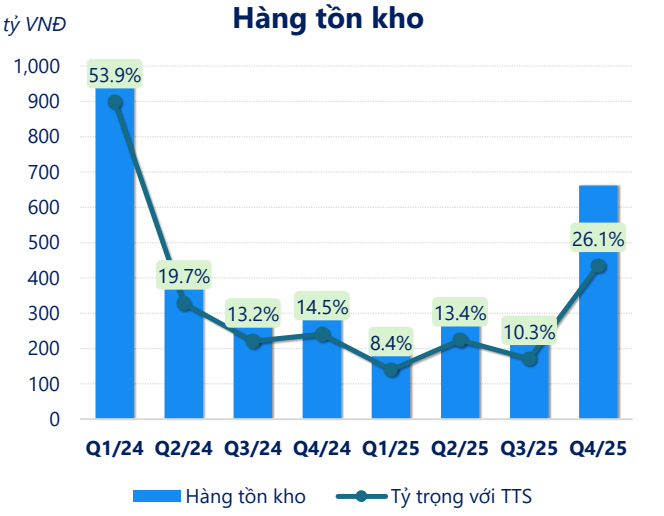
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



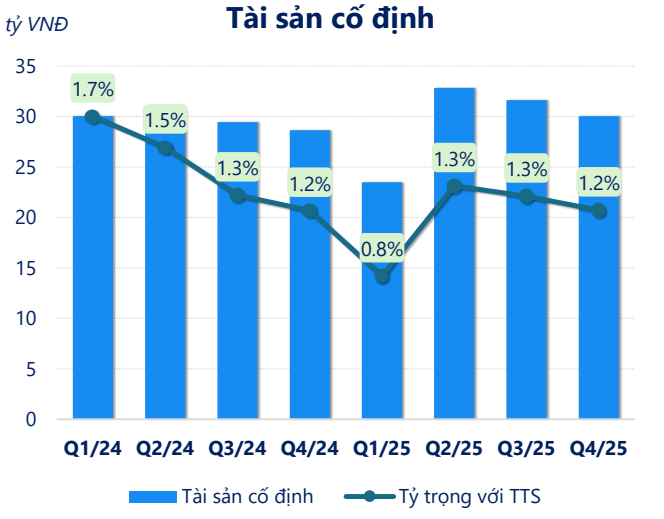
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



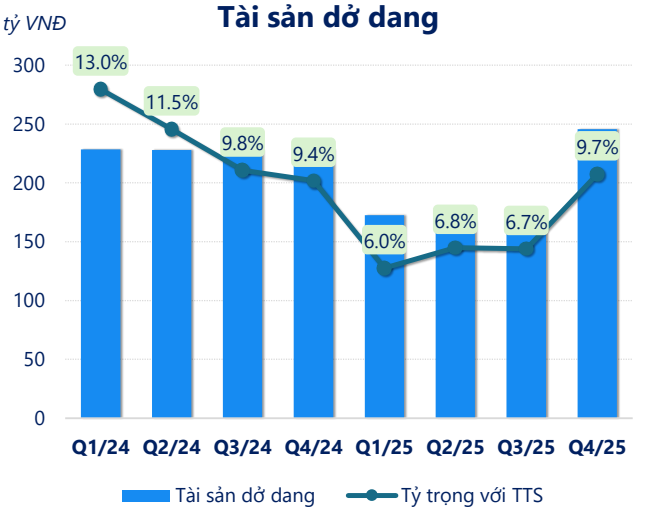
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



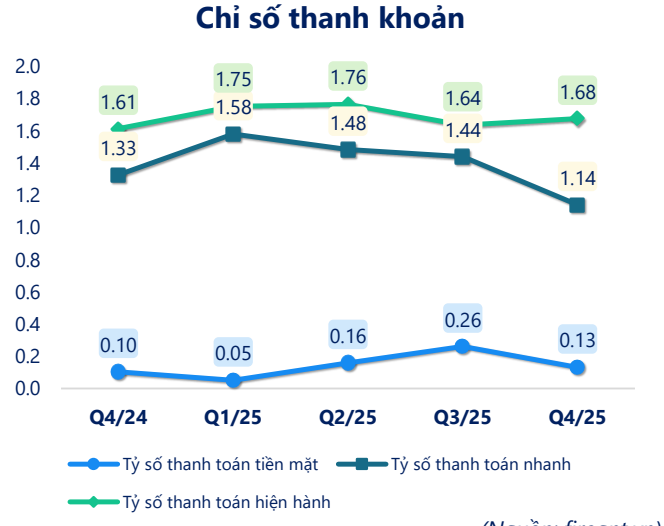
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



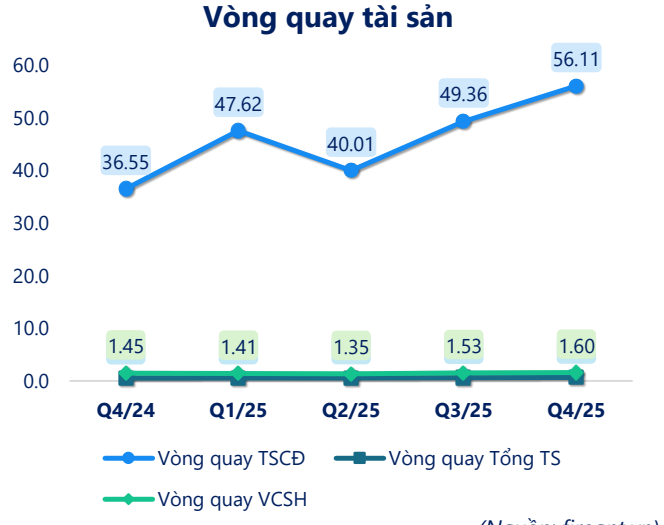
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**2,423**	**2,897**	**2,484**	**2,505**	**2,537**
Tài sản ngắn hạn	**1,971**	**2,468**	**2,097**	**2,141**	**2,071**
Tiền và tương đương tiền	127	71.7	190	342	162
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.41	194	14.4	14.4	14.4
Phải thu ngắn hạn	1,481	1,959	1,548	1,525	1,232
Hàng tồn kho	351	242	333	257	661
Tài sản ngắn hạn khác	7.45	1.02	11.5	2.01	1.01
Tài sản dài hạn	**452**	**429**	**387**	**364**	**466**
Phải thu dài hạn	3.46	3.46	4.32	3.56	3.81
Tài sản cố định	28.6	23.5	32.8	31.6	30.0
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	228	173	168	168	245
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	158	197	152	132	98.5
Lợi thế thương mại	33.7	32.0	30.3	28.6	88.5
Nợ phải trả	**1,615**	**1,790**	**1,353**	**1,316**	**1,281**
Nợ ngắn hạn	**1,221**	**1,408**	**1,188**	**1,309**	**1,236**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	105	72.4	1.76	2.77	53.2
Phải trả người bán ngắn hạn	109	97.1	97.4	122	115
Nợ dài hạn	394	382	165	6.95	45.6
Vay và nợ thuê dài hạn	387	374	158	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**808**	**1,107**	**1,131**	**1,189**	**1,256**
Vốn chủ sở hữu	**808**	**1,107**	**1,131**	**1,189**	**1,256**
Vốn điều lệ	577	866	953	953	982
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)